

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HS-PT

Ngày: 13-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Rung K' Nhơn

Ông Nguyễn Công Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 236/2024/TLPT-HS ngày 22/11/2024 đối với bị cáo Trần Thị Hồng Th, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 257/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

*** Bị cáo kháng cáo:**

Họ và tên: **Trần Thị Hồng Th**, sinh năm: 1985, tại: Khánh Hòa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: 43/1 VĐ, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Trần Công Ch và bà: Nguyễn Thị Nh; chồng: Trần Quốc V (đã ly hôn); có 02 người con, lớn nhất sinh năm: 2009, nhỏ nhất sinh năm: 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Trong vụ án này còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, vụ án không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Hồng Th quen biết với bà Phan Thị Phương T từ năm 2017. Đến đầu tháng 3/2021, Th biết bà T có một mảnh đất muốn cho thuê tại số 345, 346 - Tờ bản đồ số 70B, đường Nguyễn Tử Lực, phường 8, thành phố Đà Lạt thì Th có ý định thuê mảnh đất này để làm văn phòng dịch vụ du lịch, môi giới nhà đất và bán cà phê. Sau khi trao đổi, Th biết mảnh đất của bà T chỉ có giấy tờ mua bán tay nên Th chưa thuê và nói bà T làm các giấy tờ cho mảnh đất thì Th sẽ thuê. Ngày 05/5/2021, Th được bà T nhờ làm dịch vụ đo vẽ họa đồ hiện trạng sử dụng đất và đơn xin xác nhận có nhà ở tại thửa đất trên thì Th đồng ý và báo giá là 12.000.000 đồng phí dịch vụ đo vẽ họa đồ và 15.000.000 đồng phí dịch vụ xác nhận có nhà ở trên đất. Sau khi bà T đồng ý, Th liên hệ thuê ông Nguyễn Đức Huy, sinh năm 1994, trú tại: 206 Nguyễn Công Trứ, Phường 8, thành phố Đà Lạt thực hiện các công việc như bà T đề nghị thì ông Huy đồng ý làm thủ tục đo vẽ hiện trạng sử dụng đất đối với thửa đất của bà T, đối với phần xác nhận có nhà trên đất ông Huy báo khi nào làm họa đồ đo vẽ xong thì mới liên lạc với Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Đà Lạt tìm hiểu điều kiện xác nhận, lúc đó mới báo lại cho Th. Cùng ngày, Th đưa bà T đến Văn phòng Công chứng Phạm Lan Anh ký ủy quyền cho ông Huy làm dịch vụ. Đến ngày 06/5/2021, bà T chuyển cho Th số tiền 12.000.000 đồng qua tài khoản số 108872236567, Ngân hàng Vietinbank. Đến ngày 12/5/2021, bà T tiếp tục chuyển cho Th số tiền 15.000.000 đồng vào số tài khoản này để Th làm dịch vụ xác nhận nhà ở có trên đất cho bà T. Đến cuối tháng 5/2021, ông Huy và cán bộ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Lạt xuống thửa đất của bà T để đo vẽ. Ngày 11/6/2021, ông Huy nhận kết quả là họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất đưa cho Th, Th nhận lấy rồi giao lại cho bà T. Sau khi hoàn tất thủ tục đo vẽ, ông Huy báo với Th phần đất của bà T không đủ điều kiện để làm giấy xác nhận có nhà ở vì đất của bà T thuộc quy hoạch đất rừng và hiện không có nhà ở trên đất này. Quá trình điều tra Th khai nhận Th biết phần đất của bà T không thể làm giấy xác nhận có nhà ở trên đất nên nhờ Phạm Ngọc D làm giấy xác nhận này. Th nhận thức được nếu có làm giấy xác nhận có nhà ở thì chỉ là làm giả nhưng vẫn đồng ý giao cho ông D làm.

Th khai đến khoảng tháng 11/2021, Th giấy xác nhận có nhà ở trên đất từ D. Khi nhận được đơn xin xác nhận có nhà ở trên đất phần ngày, tháng, năm chưa điền ngày (do trước đó bà T nói Th để trống ngày để điền sau và Th nói lại với D để trống ngày lại). Sau đó Th đến nhà bà T; địa chỉ: Số 18 Hồ Tùng Mậu, Phường 3, thành phố Đà Lạt tại đây Th đã dùng bút mực bi điền số phần ngày tháng năm viết đơn và xác nhận của UBND Phường là ngày 01/07/2021. Sau đó đưa cho bà T và đề nghị bà T ký tên vào phần người viết đơn trên giấy, vì khi

nhận đơn xin xác nhận có nhà ở không có chữ ký của người viết đơn là bà T. Khoảng 2 ngày sau, bà T liên lạc với Th nói phần địa chỉ tại đơn xin xác nhận có nhà ở bị sai thì Th nói bà T xóa đi sửa lại cho đúng. Sau đó khoảng 1 tuần thì bà T lại phát hiện phần chữ ghi trong dấu tròn là “UBND xã Hương 8” không đúng, bà T có báo lại cho Th, yêu cầu Th trả lại 15.000.000 đồng tiền phí dịch vụ nhưng Th trốn tránh không trả tiền (BL: 38-39, 62-106, 116-273, 291-316, 324-326, 336-351, 449-457).

Sau khi không liên lạc yêu cầu Th trả tiền, ngày 24/01/2022, bà T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt tố cáo đối với hành vi của Th. Cơ quan điều tra triệu tập Th làm việc và thu giữ vật chứng vụ án:

- 01 (một) Giấy ủy quyền gồm 3 tờ (Bản chính) ủy quyền giữa bà Phan Thị Phương T và ông Nguyễn Đức Huy

- 01 (một) đơn xin xác nhận có nhà ở ký ngày 01/07/2021 tại phần địa chỉ có 02 (hai) vị trí bị tẩy xóa; sửa chữa bằng mực xanh thành số 426 (Bản chính)

- 01 (một) đơn xin xác nhận ký ngày 05/05/2021 (Bản chính).

- 01 (một) đơn xin xác nhận ký ngày 05/05/2021 (Bản photo màu).

- 01 (một) đơn xin xác nhận ký ngày 05/05/2021 (Bản photo).

- 01 (một) Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất (Bản photo).

- 01 (một) Biên lai chuyển tiền qua tài khoản ngày 06/05/2021 (Bản photo).

- 01 (một) Ảnh chụp màn hình nội dung chuyển khoản thành công ngày 12/05/2021 (Bản photo)

Ngày 21/3/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng ban hành kết luận giám định số 220/KL-KTHS xác định:

- Chữ ký mang họ tên Phạm Tuấn Anh trên mẫu cần giám định so với chữ ký trên mẫu so sánh không phải do một người ký ra

- Hình dấu tròn dưới mực xác nhận của UBND Phường 8, T.P Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Quá trình điều tra xác định Th còn có hành vi sử dụng giấy tờ giả của cơ quan tổ chức như sau: Đầu năm 2020, Th liên lạc với một đối tượng trên mạng xã hội (không rõ nhân thân, lai lịch) đặt làm một Giấy chứng minh nhân dân số 225316639 mang tên Trần Lê Na. Đến tháng 9/2020, Th liên hệ với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Lâm Đồng dùng chứng minh nhân dân giả Trần Lê Na đăng ký mở tài khoản ngân hàng số 108872236567. Khi gặp nhân viên ngân hàng Th nói muốn làm dịch vụ mở thẻ ngân hàng thì nhân viên yêu cầu bị can xuất trình giấy chứng minh nhân dân nên bị can đưa chứng minh tên Trần Lê Na cho nhân viên ngân hàng sau đó nhân viên ngân hàng đưa ra một

số giấy tờ để Th điền thông tin cá nhân của khách hàng (bị cáo không nhớ rõ là giấy tờ gì), Th điền theo thông tin trên giấy chứng minh nhân dân Trần Lê Na sau khi điền xong Th ký tên Na và ghi họ tên Trần Lê Na trên các giấy tờ mà nhân viên ngân hàng đưa và giao lại cho nhân viên ngân hàng. Sau đó nhân viên ngân hàng giao lại chứng minh nhân dân tên Trần Lê Na bản chính lại cho Th. Khoảng tháng 6/2021, Th làm mất giấy chứng minh nhân dân Trần Lê Na nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản kết luận giám định số 723/KL-KTHS ngày 28/6/2024, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Chữ viết, chữ ký mang họ tên Trần Lê Na (do Trần Thị Hồng Th ký ra) trên tài liệu cần giám định so với chữ ký mang họ tên Trần Lê Na (do Trần Thị Hồng Th ký ra) trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Bị hại: Bà Phan Thị Phương T, sinh năm: 1972, trú tại: 18 Hồ Tùng Mậu, Phường 3, thành phố Đà Lạt, bị chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng. Bà T đã nhận số tiền bồi thường là 15.000.000 đồng và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can.

Tại bản cáo trạng số 285/CT-VKS ngày 12/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Trần Thị Hồng Th về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” theo điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 257/2024/HSST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử;

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Hồng Th phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

+ Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng Th 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng Th 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc Trần Thị Hồng Th phải chấp hành chung cho cả hai tội là 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11-10-2024, bị cáo Th kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thắc mắc, khiếu nại nội dung bản án sơ thẩm, khai nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã xét xử; đồng thời giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo đúng về hình thức, nội dung, trong hạn luật định nên kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như bản án sơ thẩm quy kết. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo thống nhất với nhau, phù hợp với tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 05/5/2021, Trần Thị Hồng Th được bà Phan Thị Phương T nhờ làm dịch vụ đo vẽ họa đồ hiện trạng sử dụng đất và đơn xin xác nhận có nhà ở tại thửa đất địa chỉ số 345, 346, tờ bản đồ số 70B, đường Nguyễn Tử Lực, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, thì Th đồng ý và báo giá là 12.000.000 đồng phí dịch vụ đo vẽ họa đồ và 15.000.000 đồng phí dịch vụ xác nhận có nhà ở trên đất. Sau khi tìm hiểu, Th biết thửa đất của bà T không có khả năng làm được giấy xác nhận có nhà ở, nhưng vì không muốn trả lại số tiền 15.000.000 đồng cho bà T, Th đã nhờ Phạm Ngọc D liên lạc với một đối tượng trên mạng xã hội làm giả một giấy xác nhận có nhà ở rồi đưa cho bà T để chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng. Ngoài ra, vào đầu năm 2020, Th liên lạc với một đối tượng trên mạng xã hội (không rõ nhân thân, lai lịch) đặt làm một Giấy chứng minh nhân dân số 225316639 mang tên Trần Lê Na. Đến tháng 9/2020, Th liên hệ với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Lâm Đồng dùng chứng minh nhân dân giả Trần Lê Na đăng ký mở tài khoản ngân hàng số: 108872236567. Sau khi mở được tài khoản, Th có dùng tài khoản này để nhận tiền từ bà Phan Thị Phương T, trong đó có số tiền 15.000.000 đồng chiếm đoạt nêu trên.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Trần Thị Hồng Th đã phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” theo điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ

luật Hình sự và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo, HĐXX thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục toàn bộ hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xem xét tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo, xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt về cả 02 tội danh là có căn cứ và phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo nhưng không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, bị cáo phạm 02 tội, trong đó có 01 tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2022. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Hồng Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Hồng Th phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

+ Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng Th 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng Th 06 (*sáu*) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc Trần Thị Hồng Th phải chấp hành chung cho cả hai tội là 30 (*ba mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Thị Hồng Th phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND TP Đà Lạt (10);
- VKSND TP Đà Lạt (01);
- Cơ quan CSĐT CA TP Đà Lạt (01);
- Cơ quan THAHS TP Đà Lạt (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (07);
- Hồ sơ THAHS (07);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Thanh